

Số: 24/QĐ-HĐQL

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
Ban hành Quy chế cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay,
tài trợ và đồng tài trợ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 82/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 782/2003/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 93/2003/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHỦ TỊCH THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- HĐQL, Ban KS,
- Lưu VT, HS.



Phạm Khôi Nguyên

**QUY CHẾ CHO VAY VỐN LÃI SUẤT ƯU ĐÃI,
HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY, TÀI TRỢ VÀ ĐỒNG TÀI TRỢ
CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/QĐ-HĐQL ngày 12 tháng 01 năm 2004
của Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về một số hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (sau đây gọi là Quỹ), bao gồm:

1. Cho vay với lãi suất ưu đãi là một trong các hình thức hỗ trợ tài chính của Nhà nước thông qua Quỹ để cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân có các dự án đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Việt Nam;
2. Hỗ trợ lãi suất vay là một trong các hình thức hỗ trợ tài chính của Nhà nước thông qua Quỹ để hỗ trợ một phần lãi suất cho tổ chức, cá nhân có các dự án bảo vệ môi trường, khi tổ chức, cá nhân đó vay vốn của các tổ chức tín dụng ngoài Quỹ được phép hoạt động tại Việt Nam; dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng; vốn vay đã được hoàn trả cho các tổ chức tín dụng;
3. Tài trợ và đồng tài trợ là một trong các hình thức hỗ trợ tài chính không hoàn lại của Nhà nước thông qua Quỹ đối với đối với tổ chức, cá nhân có các dự án đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Việt Nam;
4. Nhận ủy thác là việc các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủy quyền cho Quỹ cho vay, thu hồi nợ và tài trợ theo các quy định được thỏa thuận trong hợp đồng nhận ủy thác. Khi thực hiện chức năng này, Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhân ủy thác;
5. Ủy thác là việc Quỹ ủy quyền cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính cho vay và thu hồi nợ theo hợp đồng ủy thác. Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí dịch vụ ủy thác, được thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là Chủ đầu tư) có các chương trình, dự án, hoạt động và nhiệm vụ bảo vệ môi trường (sau đây

gọi là dự án) mang tính quốc gia, liên ngành, liên vùng hoặc giải quyết các vấn đề môi trường cục bộ nhưng phạm vi ảnh hưởng lớn thuộc các lĩnh vực phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Vốn vay** gồm vốn vay gốc và lãi;
2. **Thời hạn cho vay** là khoảng thời gian tính từ khi Chủ đầu tư nhận khoản vay đầu tiên đến thời điểm cam kết trả hết vốn vay được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;
3. **Thời hạn gia hạn nợ** là khoảng thời gian Quỹ chấp thuận cho Chủ đầu tư vay vốn chưa phải trả vốn vay kể từ thời điểm phải trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;
4. **Thời hạn trả nợ** là thời gian từ khi dự án bắt đầu trả nợ gốc cho đến khi Chủ đầu tư vay vốn cam kết trả hết vốn vay theo hợp đồng tín dụng;
5. **Kỳ hạn trả nợ** là khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã được thỏa thuận mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó Chủ đầu tư vay vốn phải trả nợ cho Quỹ;
6. **Hợp đồng tín dụng** là hợp đồng kinh tế được ký bằng văn bản quy định về việc cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, tài trợ hoặc đồng tài trợ giữa Quỹ hoặc tổ chức tín dụng được Quỹ ủy thác với Chủ đầu tư được hỗ trợ tài chính.

Điều 4. Đồng tiền cho vay, trả nợ và tài trợ

Đồng tiền cho vay, trả nợ và tài trợ là Đồng Việt Nam.

Chương II

HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA QUỸ

Mục I

CHO VAY VỚI LÃI SUẤT ƯU ĐÃI

Điều 5. Đối tượng được vay với lãi suất ưu đãi

Đối tượng được vay với lãi suất ưu đãi (dưới đây gọi là Bên vay) là các đối tượng quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

Hàng năm, Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định danh mục ưu tiên và tiêu chí lựa chọn cho vay.

Điều 6. Nguyên tắc vay

Chủ đầu tư có các dự án bảo vệ môi trường tại Việt Nam được Quỹ cho vay phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;
2. Hoàn trả vốn vay đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Điều 7. Điều kiện vay

Quỹ xem xét và quyết định cho vay khi Chủ đầu tư vay vốn có đủ các điều kiện sau đây:

1. Thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 của Quy chế này;
2. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật;
3. Dự án của Chủ đầu tư đã hoàn thành thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng;
4. Hồ sơ vay vốn được Quỹ thẩm định và chấp nhận;
5. Có khả năng tài chính và khả năng trả nợ trong thời hạn cam kết ghi tại hồ sơ đề nghị vay vốn;
6. Phải bảo đảm nguồn vốn đối ứng tham gia đầu tư theo đúng tiến độ đã xác định trong hồ sơ đề nghị vay vốn;
7. Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay tại Điều 11 của Quy chế này.

Điều 8. Mức vốn vay

1. Mức cho vay một dự án tối đa không quá 70% so với tổng mức đầu tư của dự án.
2. Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định mức vốn vay đối với từng nhóm đối tượng vay và thẩm quyền quyết định cho vay của Giám đốc Quỹ trong từng thời kỳ.

Điều 9. Thời hạn vay

Thời hạn cho vay được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của Chủ đầu tư vay vốn, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Trường hợp thời hạn cho vay trên 5 năm thì Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể nhưng không quá 7 năm.

Điều 10. Lãi suất vay

1. Lãi suất vay do Hội đồng Quản lý Quỹ quy định cho từng nhóm đối tượng trong từng thời kỳ.
2. Mức lãi suất vay tối đa không vượt quá 50% mức lãi suất cho vay thương mại. Hội đồng Quản lý Quỹ xác định lãi suất cho vay ưu đãi trên cơ sở

trần lãi suất do Bộ Tài chính thông báo.

Điều 11. Bảo đảm tiền vay

1. Chủ đầu tư vay vốn phải dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình, tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm tiền vay bằng hình thức thế chấp hoặc được bảo lãnh của bên thứ ba. Trường hợp đặc biệt, việc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản do Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

2. Trong thời gian chưa trả hết nợ, Chủ đầu tư vay vốn hoặc bên bảo lãnh không được chuyển nhượng, bán hoặc thế chấp tài sản đã thế chấp, đã được bảo lãnh để vay vốn nơi khác.

3. Trình tự và thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay và quy định của Quỹ.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định cho vay

1. Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định cho vay đối với những khoản vay ngoài mức thẩm quyền của Giám đốc Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ quyết định cho vay trong phạm vi mức vốn do Hội đồng Quản lý Quỹ quy định.

Điều 13. Hồ sơ vay, thẩm định hồ sơ vay

1. Trước khi Quỹ quyết định cho vay, Chủ đầu tư phải gửi đến Quỹ hồ sơ vay vốn. Nội dung hồ sơ vay vốn theo quy định và hướng dẫn cụ thể của Quỹ.

2. Việc thẩm định hồ sơ vay vốn được thực hiện theo Quy chế thẩm định do Giám đốc Quỹ ban hành.

Điều 14. Hợp đồng vay

1. Nội dung hợp đồng vay theo mẫu quy định của Quỹ và bao gồm các nội dung:

Tên, địa chỉ Bên cho vay và Bên vay (Chủ đầu tư), người đại diện hoặc người bảo lãnh (nếu có), số tiền vay, mục đích sử dụng vốn vay, cách thức và tiến độ cấp vốn vay, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức và thời hạn trả nợ, giá trị và hình thức bảo đảm tiền vay, biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay, quyền và nghĩa vụ của các bên và các cam kết khác được các bên thoả thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện ký hợp đồng vay của Quỹ là Giám đốc Quỹ theo nguyên tắc:

a) Trường hợp Quỹ cho vay trực tiếp thì Quỹ thông báo cho Chủ đầu tư vay vốn ký hợp đồng vay với Quỹ;

b) Trường hợp Quỹ uỷ thác cho tổ chức tín dụng khác cho vay và thu hồi nợ thì Quỹ thông báo cho Chủ đầu tư vay vốn ký hợp đồng vay với tổ chức tín dụng được Quỹ uỷ thác.

Thủ tục, nội dung uỷ thác cho vay tuân theo những quy định tại Mục III “Hoạt động uỷ thác và nhận uỷ thác” của Quy chế này.

2. Hợp đồng vay được lập thành sáu (06) bản có giá trị pháp lý như nhau và gửi cho các bên: Chủ đầu tư vay vốn hai (02) bản; Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ hoặc Tổ chức tín dụng nhận uỷ thác cho vay hai (02) bản; Hội đồng Quản lý Quỹ một (01) bản và Tòa án kinh tế sở tại một (01) bản.

Điều 15. Cấp vốn vay tạm ứng

Việc cấp vốn vay được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp với tiến độ và nhu cầu sử dụng vốn vay của Chủ đầu tư. Mỗi lần cấp vốn vay, Chủ đầu tư phải ký giấy nhận nợ vào khế ước vay vốn.

1. Chủ đầu tư được cấp vốn vay để tạm ứng cho các nhà thầu trong các trường hợp sau:

- a) Dự án vay vốn thực hiện đấu thầu theo hợp đồng chìa khoá trao tay;
- b) Các gói thầu xây lắp tổ chức đấu thầu;
- c) Mua sắm thiết bị (kể cả thiết bị nhập khẩu và thiết bị mua trong nước);
- d) Các hợp đồng tư vấn;

đ) Đối với các chi phí khác trong giai đoạn thực hiện dự án (đền bù, giải phóng mặt bằng, thuê đất, cấp đất, chuyển quyền sử dụng đất...), Chủ đầu tư phải dùng nguồn vốn tự có hoặc các nguồn vốn khác để thực hiện.

2. Mức vốn cho vay tạm ứng

a) Đối với các dự án đầu tư thực hiện đấu thầu theo hợp đồng chìa khoá trao tay thì tạm ứng cho việc mua sắm thiết bị căn cứ vào tiến độ thanh toán trong hợp đồng chìa khoá trao tay hoặc tạm ứng cho các công việc khác tùy theo đề nghị của Chủ đầu tư vay vốn nhưng tổng số tiền cho vay tạm ứng không vượt mức vốn được vay trong kế hoạch năm.

b) Đối với xây lắp: mức tạm ứng tối đa bằng 20% giá trị hợp đồng xây lắp nhưng không vượt mức vốn được vay trong kế hoạch năm.

c) Đối với mua sắm thiết bị:

Mức vốn tạm ứng là số tiền mà chủ đầu tư phải trả cho nhà thầu cung ứng thiết bị, nhà thầu vận chuyển thiết bị (nếu có) theo hợp đồng kinh tế mua bán thiết bị, nhưng nhiều nhất không vượt mức vốn được vay trong kế hoạch năm;

Việc cho vay vốn để tạm ứng được thực hiện theo tiến độ thanh toán tiền trong hợp đồng mua bán thiết bị, hợp đồng vận chuyển thiết bị và được thực hiện cho đến khi thiết bị đã nhập kho của Chủ đầu tư (đối với thiết bị không cần lắp đặt) hoặc đã được lắp đặt xong và nghiệm thu (đối với thiết bị cần lắp đặt);

Trường hợp mức vốn được vay trong kế hoạch năm không đủ để thanh toán theo hợp đồng, Chủ đầu tư có trách nhiệm sử dụng vốn tự có hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán.

d) Đối với các hợp đồng tư vấn, mức vốn cho vay để tạm ứng từ 25% đến 50% hợp đồng, nhưng không vượt mức vốn được vay trong kế hoạch năm.

đ) Đối với công việc đền bù giải phóng mặt bằng, Chủ đầu tư phải dùng

nguồn vốn tự có hoặc các nguồn vốn khác để thực hiện.

e) Đối với một số công việc thuộc chi phí khác của dự án được cấp vốn vay tạm ứng, Quỹ hoặc tổ chức nhận ủy thác cho vay xem xét nhu cầu vốn tạm ứng của Chủ đầu tư (thông báo yêu cầu nộp tiền, dự toán chi phí của bộ máy quản lý dự án) để cấp vốn vay tạm ứng, nhưng nhiều nhất không vượt mức vốn được vay trong kế hoạch năm.

3. Để được cấp vốn vay tạm ứng, Chủ đầu tư làm giấy đề nghị Quỹ cấp vốn tạm ứng ghi rõ lý do và thời điểm sử dụng vốn vay tạm ứng và cam kết sử dụng vốn vay tạm ứng đúng mục đích cùng các tài liệu sau:

a) Đối với các dự án thực hiện đấu thầu theo hợp đồng chìa khoá trao tay (đấu thầu toàn bộ các công việc thiết kế, cung cấp thiết bị, xây lắp được thực hiện thông qua một nhà thầu) và các gói thầu xây lắp thực hiện đấu thầu gồm:

- Văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu của cấp có thẩm quyền;
- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu;
- Giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu;
- Giấy phép xây dựng (trường hợp cần có giấy phép theo quy định).

b) Đối với việc mua sắm thiết bị (kể cả thiết bị nhập khẩu và thiết bị mua trong nước) gồm:

- Văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu của cấp có thẩm quyền (đối với phần thiết bị tổ chức đấu thầu) hoặc quyết định chỉ định thầu;
- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu cung ứng, gia công chế tạo thiết bị;
- Giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu (đối với phần thiết bị tổ chức đấu thầu).

Riêng đối với việc vay vốn để tạm ứng cho hợp đồng nhập khẩu thiết bị, ngoài các tài liệu nêu trên, Chủ đầu tư gửi thêm các tài liệu sau:

Văn bản phê duyệt hợp đồng của cấp có thẩm quyền theo quy định hiện hành;

Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu của Chủ đầu tư (nếu Chủ đầu tư thực hiện trực tiếp việc nhập khẩu);

Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu và giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu của đơn vị nhập uỷ thác và giấy bảo lãnh tiền đặt cọc thiết bị do ngân hàng của nhà thầu phát hành (trường hợp vay vốn tạm ứng để đặt cọc tiền thiết bị).

Trường hợp vay vốn để ký quỹ mở L/C không thực hiện qua Quỹ.

c) Đối với các công việc phải thuê tư vấn gồm văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu của cấp có thẩm quyền (đối với công việc thực hiện đấu thầu tuyển chọn tư vấn); hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn.

d) Đối với một số công việc thuộc chi phí khác của dự án:

- Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng Chủ đầu tư phải dùng nguồn vốn tự có hoặc các nguồn vốn khác để thực hiện;

- Các chi phí cấp đất, thuê đất của Nhà nước hoặc chuyển quyền sử dụng đất phải có đầy đủ các chứng từ liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành về việc quản lý cấp đất, thuê đất và chuyển quyền sử dụng đất.

Điều 16. Cấp vốn vay thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành

1. Cấp vốn vay thanh toán khối lượng xây lắp

a) Khối lượng xây lắp hoàn thành theo hình thức chỉ định thầu được vay vốn thanh toán là khối lượng thực hiện theo hợp đồng, đã được nghiệm thu đúng chế độ quy định.

Để được cấp vốn vay thanh toán, Chủ đầu tư gửi tới Quỹ các tài liệu sau:

- Quyết định chỉ định thầu hợp lệ của cấp có thẩm quyền;
- Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép theo quy định);
- Thiết kế, dự toán chi tiết hạng mục công trình được lập theo đúng định mức, đơn giá của Nhà nước;
- Văn bản phê duyệt thiết kế - dự toán của cấp có thẩm quyền;
- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành kèm theo bản tính giá trị khối lượng được nghiệm thu;
- Chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Khối lượng xây lắp hoàn thành theo hình thức đấu thầu được cấp vốn vay thanh toán là khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu theo hợp đồng. Để được cấp vốn vay thanh toán, Chủ đầu tư gửi tới Quỹ các tài liệu sau:

- Văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu kèm dự toán trúng thầu và biên bản điều chỉnh số liệu của hội đồng xét thầu (nếu có);
- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành kèm theo bản tính giá trị khối lượng được nghiệm thu;
- Phiếu giá và chứng từ thanh toán.

Những khối lượng phát sinh ngoài giá thầu phải có văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu bổ sung (nếu khối lượng phát sinh được đấu thầu) hoặc dự toán bổ sung được duyệt (nếu khối lượng phát sinh được chỉ định thầu).

2. Cấp vốn vay thanh toán khối lượng thiết bị

Khối lượng thiết bị hoàn thành được cho vay thanh toán là khối lượng thiết bị đã nhập kho của Chủ đầu tư (đối với thiết bị không cần lắp đặt) hoặc đã lắp

đặt xong và được nghiệm thu (đối với thiết bị cần lắp đặt); Danh mục thiết bị phải phù hợp với quyết định đầu tư và hợp đồng mua bán.

Để được vay vốn thanh toán, Chủ đầu tư gửi đến Quỹ các tài liệu sau:

- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư với nhà thầu cung cấp thiết bị;
- Hoá đơn tài chính (đối với thiết bị mua trong nước);
- Bộ chứng từ nhập khẩu (đối với thiết bị nhập khẩu) gồm: Hợp đồng nhập khẩu, hoá đơn thương mại; vận đơn vận chuyển; giấy tờ về bảo hiểm; giấy đóng gói, giấy chứng nhận chất lượng, xuất xứ hàng hoá và tờ khai hải quan nhập khẩu, thông báo thuế hoặc hóa đơn xuất kho của đơn vị nhập uỷ thác;
- Phiếu nhập kho (đối với thiết bị không cần lắp đặt) hoặc biên bản nghiệm thu khối lượng thiết bị lắp đặt hoàn thành (đối với thiết bị cần lắp đặt);
- Các chứng từ có liên quan đến chi phí thiết bị (vận chuyển, bảo quản, bảo hiểm, thuế, phí lưu kho...);
- Phiếu giá (hoặc bảng kê) và các chứng từ thanh toán hợp lệ khác.

3. Cấp vốn vay thanh toán khối lượng công tác tư vấn

Khối lượng công tác tư vấn hoàn thành được cho vay thanh toán là khối lượng thực hiện được nghiệm thu phù hợp với hợp đồng kinh tế.

Để được vay vốn thanh toán, Chủ đầu tư gửi đến Quỹ các tài liệu sau:

- Hợp đồng tư vấn giữa Chủ đầu tư và nhà tư vấn;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc tư vấn hoàn thành;
- Chứng từ thanh toán theo quy định hiện hành của pháp luật về hoạt động tư vấn.

Điều 17. Quá trình cấp vốn vay

1. Căn cứ đề nghị của Chủ đầu tư và hồ sơ tạm ứng (hoặc hồ sơ thanh toán) do Chủ đầu tư gửi đến, Quỹ có trách nhiệm kiểm tra và thực hiện cấp vốn vay cho Chủ đầu tư để tạm ứng (hoặc thanh toán) cho các nhà thầu xây lắp, tư vấn, cung ứng thiết bị... theo đúng các quy định trên. Trình tự cấp phát vốn vay theo quy định của Quỹ do Giám đốc ban hành.

Trường hợp Chủ đầu tư đã được cấp vốn vay tạm ứng, ngay sau thời điểm sử dụng vốn vay tạm ứng ghi trong giấy đề nghị tạm ứng, Chủ đầu tư phải xuất trình các tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay tạm ứng đúng mục đích tạm ứng ban đầu và tiến hành thanh toán tạm ứng, chuyển sang thủ tục vay vốn khối lượng đã hoàn thành.

2. Các dự án có tiến độ vay vốn trong nhiều năm kế hoạch (mức vốn vay từng năm đã được ghi trong hợp đồng tín dụng), việc cấp vốn được vay từ năm thứ 2 trở đi chỉ thực hiện khi đã có báo cáo của Chủ đầu tư về tình hình thực hiện kế hoạch vay vốn, trả nợ năm trước theo quy định tại hợp đồng tín dụng và văn bản thông báo chỉ tiêu kế hoạch năm của Quỹ.

3. Mức vốn cho vay thanh toán đối với toàn bộ dự án hoặc từng hạng mục công trình không được vượt tổng dự toán, dự toán (hoặc giá trúng thầu) được duyệt trừ đi số vốn đã cho vay tạm ứng (nếu có) và trong phạm vi tổng mức vốn cho vay của dự án đã xác định trong hợp đồng tín dụng đã ký.

4. Mỗi lần nhận vốn vay (bao gồm cả cấp vốn vay tạm ứng và cấp vốn vay thanh toán), Chủ đầu tư phải ký nhận nợ vào kế ước vay vốn. Kế ước chỉ có một (01) bản chính duy nhất lưu tại Quỹ.

5. Trong các tài liệu do Chủ đầu tư gửi cho Quỹ, có loại tài liệu chỉ gửi một lần cho toàn bộ dự án và loại tài liệu gửi nhiều lần khi đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng). Các tài liệu gửi một lần bao gồm: báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu (hoặc dự toán được duyệt) kèm theo các tài liệu về dự toán, hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, giấy phép xây dựng (nếu có).

Tài liệu Chủ đầu tư gửi Quỹ phải là bản gốc. Trường hợp không thể nộp bản gốc (có lý do chính đáng và cam kết của Chủ đầu tư) cho Quỹ thì bản sao phải công chứng nhà nước và Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp bản gốc để Quỹ đối chiếu.

6. Những dự án đầu tư có vốn nước ngoài hoặc những gói thầu tổ chức đấu thầu quốc tế mà trong Hiệp định tín dụng ký giữa nhà tài trợ với Chính phủ Việt Nam có quy định về việc cấp vốn thanh toán khác với các quy định nêu trên thì được thực hiện theo quy định trong Hiệp định tín dụng đã ký.

7. Các trường hợp đặc biệt khi Chủ đầu tư không đủ các điều kiện để Quỹ cấp vốn vay quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, bộ phận nghiệp vụ cấp phát vốn vay lập tờ trình Hội đồng Quản lý, Giám đốc Quỹ xem xét giải quyết.

Điều 18. Thu nợ

1. Quỹ khuyến khích Chủ đầu tư vay vốn trả nợ trước hạn.

2. Đến kỳ hạn trả nợ quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký Chủ đầu tư vay vốn phải chủ động trả nợ vốn vay cho Quỹ. Nguồn trả nợ bao gồm toàn bộ khấu hao hoặc nguồn thu phí sử dụng tài sản hình thành bằng vốn vay, lợi nhuận sau thuế và các nguồn vốn hợp pháp khác của Chủ đầu tư.

3. Đến kỳ hạn trả nợ, nếu Chủ đầu tư vay vốn không trả nợ và không được gia hạn nợ (kể cả điều chỉnh thời điểm bắt đầu trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ) hoặc khoan nợ, thì Quỹ chuyển số nợ gốc đến hạn phải trả sang nợ quá hạn và chịu lãi phạt bằng 200% lãi suất cho vay trong hạn, đồng thời lập uỷ nhiệm thu đề nghị tổ chức tín dụng nơi Chủ đầu tư vay vốn mở tài khoản tiền gửi thu hộ nợ vay và thông báo cho Chủ đầu tư và chính quyền sở tại biết. Trường hợp Chủ đầu tư vay vốn không mở tài khoản tại các tổ chức tín dụng thì Quỹ được sử dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tiến hành thu hồi nợ.

4. Đến kỳ hạn trả nợ, sau khi đã áp dụng các biện pháp thu nợ nói trên mà Chủ đầu tư vẫn không trả được nợ, Quỹ được quyền phát mại tài sản thế chấp,

bảo lãnh hoặc tài sản hình thành từ vốn vay theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

5. Trường hợp Chủ đầu tư vay vốn bị phá sản, bị giải thể hoặc bị chết trong khi chưa trả hết nợ cho Quỹ thì việc thu hồi nợ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Quỹ được quyền phát mại tài sản thế chấp, bảo lãnh hoặc tài sản hình thành từ vốn vay để thu hồi nợ vay.

Điều 19. Gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

1. Chủ đầu tư vay vốn phải trả nợ đúng hạn cho Quỹ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Nếu vì lý do khách quan, Chủ đầu tư thực sự gặp khó khăn trong quá trình thực hiện dự án hoặc trong sản xuất kinh doanh, dẫn đến không thể trả được nợ vay theo hợp đồng tín dụng thì trước kỳ hạn trả nợ một tháng Chủ đầu tư phải có văn bản gửi Quỹ, đồng thời gửi cấp quyết định đầu tư (nếu có) giải trình rõ lý do không trả được nợ, đề xuất các biện pháp khắc phục khó khăn để tạo nguồn trả nợ. Cấp quyết định đầu tư (nếu có) có trách nhiệm xem xét giải trình của Chủ đầu tư và có ý kiến bằng văn bản gửi Quỹ để nghị gia hạn nợ cho Chủ đầu tư.

2. Căn cứ hồ sơ xin gia hạn nợ của Chủ đầu tư, Quỹ có trách nhiệm kiểm tra xem xét và trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định gia hạn. Thời gian gia hạn nợ của một dự án không quá 1/3 thời hạn vay vốn ghi trong hợp đồng tín dụng.

3. Tổ chức tín dụng nhận uỷ thác có quyền điều chỉnh kỳ hạn trả nợ của dự án nhưng không làm thay đổi mức thu nợ trong năm. Khi quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, tổ chức tín dụng nhận uỷ thác phải thông báo cho Quỹ biết bằng văn bản. Các trường hợp điều chỉnh khác do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 20. Rủi ro và xử lý rủi ro

1. Các Chủ đầu tư có dự án vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

a) Do chính sách nhà nước thay đổi thì được Quỹ xem xét gia hạn nợ theo các quy định tại Điều 19 của Quy chế này. Nếu vẫn tiếp tục khó khăn thì Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét miễn hoặc giảm lãi tiền vay trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Thủ tục và trình tự đề nghị miễn, giảm lãi tiền vay thực hiện như trường hợp gia hạn nợ.

Trường hợp đã áp dụng mọi biện pháp gia hạn nợ, miễn giảm lãi tiền vay mà Chủ đầu tư vẫn không có khả năng trả nợ, Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét khoan nợ cho Chủ đầu tư trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

b) Do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ làm tổn thất toàn bộ hay một phần tài sản, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận mức độ thiệt hại mà Chủ đầu tư không còn khả năng trả nợ hoặc giảm khả năng trả nợ, thì Chủ đầu tư phải dùng toàn bộ số tiền bảo hiểm được cơ quan bảo hiểm bồi thường để trả nợ cho Quỹ (nếu có). Sau đó tùy theo mức độ thiệt hại của dự án và khả năng trả nợ còn lại của Chủ đầu tư sẽ được Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét báo cáo Bộ

trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xoá nợ một phần hoặc toàn bộ nợ vay của dự án cho Chủ đầu tư.

Đối với dự án đã được quyết định xoá nợ một phần, số nợ vay còn lại có thể được Quỹ xem xét theo thẩm quyền để miễn, giảm lãi tiền vay, gia hạn nợ, khoan nợ tùy thuộc vào khả năng trả nợ thực tế của Chủ đầu tư.

2. Khoản bù đắp rủi ro trong các trường hợp khoan nợ, xoá nợ quy định tại khoản 1 Điều này được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro của Quỹ. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp, Hội đồng Quản lý Quỹ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Mục II **HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY**

Điều 21. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay

Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay vốn từ Quỹ là Chủ đầu tư quy định tại Điều 2 của Quy chế này có đi vay vốn của các tổ chức tín dụng ngoài Quỹ được phép hoạt động tại Việt Nam.

Điều 22. Phạm vi được hỗ trợ lãi suất vay

Chủ đầu tư chỉ được nhận hỗ trợ lãi suất vay một (01) lần đối với số vốn vay đầu tư (không bao gồm các khoản nợ quá hạn) trong phạm vi tổng mức đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 23. Điều kiện để được hỗ trợ lãi suất vay

Để được hỗ trợ lãi suất vay, Chủ đầu tư có dự án vay đề nghị được hỗ trợ lãi suất vay phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Dự án được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường xác nhận là dự án thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết các vấn đề môi trường;
2. Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, vốn vay đã được hoàn trả;
3. Dự án chưa được vay với lãi suất ưu đãi hoặc tài trợ bằng nguồn vốn hoạt động của Quỹ và có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc này;
4. Được Quỹ chấp thuận sau khi thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất và ký hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay vốn.

Điều 24. Mức hỗ trợ lãi suất vay

1. Mức hỗ trợ lãi suất vay được Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định. Việc xác định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn căn cứ vào tổng số vốn đã vay của Chủ đầu tư từ các tổ chức tín dụng để đầu tư và lãi suất vay tại thời điểm vay nhưng không quá 50% mức trần lãi suất do Bộ Tài chính thông báo tại thời điểm ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất.

2. Xác định mức hỗ trợ lãi suất vay

$$\text{Mức hỗ trợ lãi suất} = \text{Số nợ gốc được hỗ trợ lãi suất} \times \text{Mức hỗ trợ được duyệt} \times \text{Thời hạn thực vay tính theo năm đối với số nợ gốc được hỗ trợ lãi suất}$$

3. Mức hỗ trợ lãi suất vay được xác định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là căn cứ để ký hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay và lập kế hoạch hỗ trợ lãi suất vay hàng năm.

Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định danh mục các dự án, tổng mức hỗ trợ lãi suất vay và mức hỗ trợ lãi suất hàng năm.

Thẩm quyền quyết định mức hỗ trợ lãi suất vay của Giám đốc Quỹ do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định. Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định mức hỗ trợ lãi suất ngoài mức thẩm quyền của Giám đốc Quỹ.

Điều 25. Hồ sơ và thẩm định hồ sơ hỗ trợ lãi suất vay

1. Trước khi Quỹ quyết định hỗ trợ lãi suất vay, Chủ đầu tư phải gửi đến Quỹ hồ sơ hỗ trợ lãi suất vay. Nội dung hồ sơ hỗ trợ lãi suất vay theo quy định và hướng dẫn cụ thể của Quỹ.

2. Việc thẩm định hồ sơ hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện theo Quy chế thẩm định do Giám đốc Quỹ ban hành.

Điều 26. Hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay

Hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay theo mẫu của Quỹ và gồm các nội dung sau: Tên, địa chỉ Bên hỗ trợ và Bên nhận hỗ trợ (Chủ đầu tư); người đại diện ký hợp đồng, tên dự án đầu tư, tài khoản mở tại tổ chức tín dụng cho vay vốn; tổng mức vốn đầu tư; số hợp đồng vay vốn; tổ chức cho vay; số vốn vay; thời hạn vay; kỳ hạn trả nợ; số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn; số tiền hỗ trợ lãi suất vay có chia ra theo kỳ hạn trả nợ vay vốn tín dụng; quyền, nghĩa vụ của các bên và các cam kết khác (nếu có).

Hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay vốn được lập thành sáu (6) bản có giá trị pháp lý như nhau và gửi Chủ đầu tư hai (02) bản, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ ba (03) bản, Hội đồng Quản lý Quỹ một (01) bản.

Điều 27. Cấp vốn hỗ trợ lãi suất vay

1. Việc cấp tiền hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện một năm một lần vào cuối năm trên cơ sở số nợ gốc Chủ đầu tư đã trả cho tổ chức tín dụng.

2. Hồ sơ cấp vốn hỗ trợ lãi suất vay bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành đưa vào sử dụng;

b) Hợp đồng vay; kế ước nhận nợ của Chủ đầu tư với tổ chức tín dụng cho vay ngoài Quỹ;

c) Chứng từ trả nợ trong năm của Chủ đầu tư cho tổ chức tín dụng cho vay

vốn;

3. Tài liệu Chủ đầu tư gửi Quỹ phải là bản gốc. Trường hợp không thể nộp bản gốc (có lý do chính đáng và cam kết của Chủ đầu tư) cho Quỹ thì bản sao phải công chứng nhà nước và Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp bản gốc để Quỹ đối chiếu.

4. Trình tự cấp vốn hỗ trợ lãi suất vay theo quy định do Giám đốc Quỹ ban hành. Mỗi lần cấp vốn hỗ trợ lãi suất vay, Chủ đầu tư phải ký vào biên bản theo đổi cấp vốn hỗ trợ lãi suất vay.

Mục III

TÀI TRỢ VÀ ĐỒNG TÀI TRỢ

Điều 28. Đối tượng nhận tài trợ và đồng tài trợ là Chủ đầu tư thực hiện các dự án bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực sau sau:

1. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức môi trường; phổ cập kiến thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng và khen thưởng;
2. Các dự án xử lý chất thải, cải tạo môi trường;
3. Xây dựng, thử nghiệm, phổ biến và nhân rộng các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường;
4. Thiết kế các chương trình, dự án nhằm vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho bảo vệ môi trường;
5. Đào tạo, chuyển giao công nghệ thân thiện với môi trường, sản xuất sạch hơn, các giải pháp phòng tránh, hạn chế và khắc phục sự cố môi trường.

Điều 29. Điều kiện để được tài trợ

Để được tài trợ, Chủ đầu tư phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Dự án của Chủ đầu tư được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường xác nhận thuộc đối tượng quy định tại Điều 28 của Quy chế này;
2. Chủ đầu tư có vốn đối ứng ít nhất là 50% tổng chi phí đầu tư để thực hiện dự án đó;
3. Hồ sơ tài trợ hoặc đồng tài trợ được Quỹ chấp thuận và ký hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ.

Điều 30. Mức tài trợ

Mức tài trợ cho Chủ đầu tư không vượt quá 50% tổng chi phí đầu tư bảo vệ môi trường của dự án nhận tài trợ.

Điều 31. Thẩm quyền tài trợ

Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định danh mục, mức tài trợ hàng năm của Quỹ.

Thẩm quyền quyết định tài trợ của Giám đốc Quỹ do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định.

Điều 32. Hồ sơ và thẩm định hồ sơ tài trợ, đồng tài trợ

1. Trước khi Quỹ quyết định tài trợ hoặc đồng tài trợ, Chủ đầu tư phải gửi đến Quỹ hồ sơ đề nghị tài trợ, đồng tài trợ. Nội dung đề nghị tài trợ, đồng tài trợ theo quy định và hướng dẫn cụ thể của Quỹ.

2. Việc thẩm định hồ sơ đề nghị tài trợ, đồng tài trợ được thực hiện theo Quy chế thẩm định do Giám đốc Quỹ ban hành.

Điều 33. Hợp đồng tài trợ và đồng tài trợ

1. Hợp đồng tài trợ và đồng tài trợ bao gồm các nội dung sau:

Tên cơ quan và đại diện có thẩm quyền của các Bên tài trợ và Bên nhận tài trợ (Chủ đầu tư), địa chỉ, số tài khoản; mục đích sử dụng tài trợ, tổng vốn thực hiện dự án; số vốn được tài trợ hoặc đồng tài trợ; số vốn đối ứng; thời hạn tài trợ hoặc đồng tài trợ; cách thức và tiến độ cấp vốn tài trợ, thời hạn tài trợ; quyền và nghĩa vụ của các bên và các cam kết khác được các bên thoả thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện ký hợp đồng tài trợ và đồng tài trợ của Quỹ là Giám đốc Quỹ

2. Hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ được ký một lần theo mẫu quy định của Quỹ.

3. Hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ được lập thành sáu (06) bản có giá trị như nhau và gửi cho Chủ đầu tư hai (02) bản, Cơ quan Điều hành Quỹ ba (03) bản, Hội đồng Quản lý Quỹ một (01) bản.

4. Trước khi ký hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ hoặc đang trong quá trình thực hiện hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ, nếu phát hiện Chủ đầu tư có vi phạm pháp luật hoặc vốn tài trợ không được thực hiện đúng mục đích, không hiệu quả, Quỹ có quyền đình chỉ việc ký kết hoặc việc thực hiện hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ và báo cáo ngay cho Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, xử lý.

Điều 34. Cấp vốn tài trợ tạm ứng

1. Việc cấp vốn tài trợ được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng tài trợ đã ký, phù hợp với tiến độ và nhu cầu sử dụng vốn của Chủ đầu tư. Mỗi lần cấp vốn tài trợ, Chủ đầu tư phải ký giấy nhận tài trợ.

2. Chủ đầu tư được cấp vốn tài trợ để tạm ứng cho các nhà thầu trong các trường hợp sau:

- a) Dự án nhận vốn tài trợ thực hiện đấu thầu theo hợp đồng chìa khoá trao tay;
- b) Các gói thầu xây lắp tổ chức đấu thầu;
- c) Mua sắm thiết bị (kể cả thiết bị nhập khẩu và thiết bị mua trong nước);
- d) Các hợp đồng tư vấn;

d) Đối với các chi phí khác trong giai đoạn thực hiện dự án (đền bù, giải phóng mặt bằng, thuê đất, cấp đất, chuyển quyền sử dụng đất...), Chủ đầu tư phải dùng nguồn vốn tự có hoặc các nguồn vốn khác để thực hiện.

3. Mức vốn tài trợ cho tạm ứng

a) Đối với các dự án đầu tư thực hiện đấu thầu theo hợp đồng chìa khoá trao tay thì tạm ứng cho việc mua sắm thiết bị căn cứ vào tiến độ thanh toán trong hợp đồng hoặc tạm ứng cho các công việc khác tùy theo đề nghị của Chủ đầu tư nhưng tổng số tiền vốn tài trợ tạm ứng không vượt mức vốn tài trợ trong kế hoạch năm.

b) Đối với xây lắp: mức tạm ứng tối đa bằng 20% giá trị hợp đồng nhưng không vượt mức vốn được tài trợ trong kế hoạch năm.

c) Đối với mua sắm thiết bị:

- Mức vốn tạm ứng là số tiền mà Chủ đầu tư phải trả cho nhà thầu cung ứng thiết bị, nhà thầu vận chuyển thiết bị (nếu có) theo hợp đồng kinh tế, nhưng nhiều nhất không vượt mức vốn được tài trợ trong kế hoạch năm;

- Việc cấp vốn tài trợ cho tạm ứng được thực hiện theo tiến độ thanh toán tiền trong hợp đồng mua bán thiết bị, hợp đồng vận chuyển thiết bị và được thực hiện cho đến khi thiết bị đã nhập kho của Chủ đầu tư (đối với thiết bị không cần lắp đặt) hoặc đã được lắp đặt xong và nghiệm thu (đối với thiết bị cần lắp đặt);

- Trường hợp mức vốn được tài trợ trong kế hoạch năm không đủ để thanh toán theo hợp đồng, Chủ đầu tư có trách nhiệm sử dụng vốn tự có hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán.

d) Đối với các hợp đồng tư vấn, mức vốn tài trợ vay để tạm ứng từ 25% đến 50% trị giá hợp đồng, nhưng không vượt mức vốn được tài trợ trong kế hoạch năm.

đ) Đối với công việc đền bù giải phóng mặt bằng, Chủ đầu tư phải dùng nguồn vốn tự có hoặc các nguồn vốn khác để thực hiện.

e) Đối với một số công việc thuộc chi phí khác của dự án được cấp vốn tài trợ tạm ứng, Quỹ xem xét nhu cầu vốn tạm ứng của Chủ đầu tư (thông báo yêu cầu nộp tiền, dự toán chi phí của bộ máy quản lý dự án) để cấp vốn tài trợ tạm ứng, nhưng nhiều nhất không vượt mức vốn được tài trợ trong kế hoạch năm.

4. Để được cấp vốn tài trợ tạm ứng, Chủ đầu tư làm giấy đề nghị Quỹ cấp vốn tạm ứng ghi rõ lý do và thời điểm sử dụng vốn tài trợ và cam kết sử dụng vốn tài trợ tạm ứng đúng mục đích cùng các tài liệu sau:

a) Đối với các dự án thực hiện đấu thầu theo hợp đồng chìa khoá trao tay (đấu thầu toàn bộ các công việc thiết kế, cung cấp thiết bị, xây lắp được thực hiện thông qua một nhà thầu) và các gói thầu xây lắp thực hiện đấu thầu:

- Văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu của cấp có thẩm quyền;
- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu;

- Giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu;
- Giấy phép xây dựng (trường hợp cần có giấy phép theo quy định).

b) Đối với việc mua sắm thiết bị (kể cả thiết bị nhập khẩu và thiết bị mua trong nước):

- Văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu của cấp có thẩm quyền (đối với phần thiết bị tổ chức đấu thầu) hoặc quyết định chỉ định thầu;
- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu cung ứng, gia công chế tạo thiết bị;
- Giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu (đối với phần thiết bị tổ chức đấu thầu).

c) Riêng đối với việc tài trợ vốn để tạm ứng cho hợp đồng nhập khẩu thiết bị, ngoài các tài liệu nêu trên Chủ đầu tư gửi thêm các tài liệu sau:

- Văn bản phê duyệt hợp đồng của cấp có thẩm quyền theo quy định hiện hành;
- Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu của Chủ đầu tư (nếu Chủ đầu tư thực hiện trực tiếp việc nhập khẩu);
- Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu và giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu của đơn vị nhập uỷ thác;
- Giấy bảo lãnh tiền đặt cọc thiết bị do ngân hàng của nhà thầu phát hành (trường hợp vay vốn tạm ứng để đặt cọc tiền thiết bị).

Trường hợp tài trợ để ký quỹ mở L/C không thực hiện qua Quỹ.

d) Đối với các công việc phải thuê tư vấn:

- Văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu của cấp có thẩm quyền (đối với công việc thực hiện đấu thầu tuyển chọn tư vấn);
- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn.

đ) Đối với một số công việc thuộc chi phí khác của dự án:

- Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng Chủ đầu tư phải dùng nguồn vốn tự có hoặc các nguồn vốn khác để thực hiện;
- Các chi phí cấp đất, thuê đất của Nhà nước hoặc chuyển quyền sử dụng đất phải có đầy đủ các chứng từ liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành về việc quản lý cấp đất, thuê đất và chuyển quyền sử dụng đất.

Điều 35. Cấp vốn tài trợ thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành

1. Cấp vốn tài trợ thanh toán khối lượng xây lắp

- a) Khối lượng xây lắp hoàn thành theo hình thức chỉ định thầu được tài trợ vốn thanh toán là khối lượng thực hiện theo hợp đồng, đã được nghiệm thu đúng chế độ quy định.

Để được cấp vốn tài trợ thanh toán, Chủ đầu tư gửi tới Quỹ các tài liệu sau:

- Quyết định chỉ định thầu hợp lệ của cấp có thẩm quyền;
- Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép theo quy định);
- Thiết kế, dự toán chi tiết hạng mục công trình được lập theo đúng định mức, đơn giá của Nhà nước;
- Văn bản phê duyệt thiết kế - dự toán của cấp có thẩm quyền;
- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành kèm theo bản tính giá trị khối lượng được nghiệm thu;
- Phiếu giá và chứng từ thanh toán.

b) Khối lượng xây lắp hoàn thành theo hình thức đấu thầu được cấp vốn tài trợ thanh toán là khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu theo hợp đồng.

Để được cấp vốn tài trợ thanh toán, Chủ đầu tư gửi tới Quỹ các tài liệu sau:

- Văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu kèm dự toán trúng thầu và biên bản điều chỉnh số liệu của hội đồng xét thầu (nếu có);
- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành kèm theo bản tính giá trị khối lượng được nghiệm thu;
- Phiếu giá và chứng từ thanh toán.

Những khối lượng phát sinh ngoài giá thầu phải có văn bản phê duyệt kết quả đấu thầu bổ sung (nếu khối lượng phát sinh được đấu thầu) hoặc dự toán bổ sung được duyệt (nếu khối lượng phát sinh được chỉ định thầu).

2. Cấp vốn tài trợ thanh toán khối lượng thiết bị

Khối lượng thiết bị hoàn thành được cấp vốn tài trợ thanh toán là khối lượng thiết bị đã nhập kho của Chủ đầu tư (đối với thiết bị không cần lắp đặt) hoặc đã lắp đặt xong và được nghiệm thu (đối với thiết bị cần lắp đặt); danh mục thiết bị phải phù hợp với quyết định đầu tư và hợp đồng mua bán.

Để được cấp vốn tài trợ thanh toán, Chủ đầu tư gửi đến Quỹ các tài liệu sau:

- a) Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư với nhà thầu cung cấp thiết bị;
- b) Hoá đơn tài chính (đối với thiết bị mua trong nước);
- c) Bộ chứng từ nhập khẩu (đối với thiết bị nhập khẩu) gồm: Hợp đồng nhập khẩu, hoá đơn thương mại; vận đơn vận chuyển; giấy tờ về bảo hiểm; giấy đóng gói, giấy chứng nhận chất lượng, xuất xứ hàng hoá và tờ khai hải quan nhập khẩu, thông báo thuế hoặc hóa đơn xuất kho của đơn vị nhập uỷ thác;

d) Phiếu nhập kho (đối với thiết bị không cần lắp đặt) hoặc biên bản nghiệm thu khối lượng thiết bị lắp đặt hoàn thành (đối với thiết bị cần lắp đặt);

đ) Các chứng từ có liên quan đến chi phí thiết bị (vận chuyển, bảo quản, bảo hiểm, thuế, phí lưu kho...);

e) Phiếu giá (hoặc bảng kê) và các chứng từ thanh toán khác.

3. Cấp vốn tài trợ thanh toán khối lượng công tác tư vấn

Khối lượng công tác tư vấn hoàn thành được cấp vốn tài trợ thanh toán là khối lượng thực hiện được nghiệm thu phù hợp với hợp đồng kinh tế.

Để được cấp vốn tài trợ để thanh toán, Chủ đầu tư gửi đến Quỹ các tài liệu sau:

a) Hợp đồng tư vấn giữa Chủ đầu tư và nhà tư vấn;

b) Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc tư vấn hoàn thành;

c) Chứng từ thanh toán theo quy định hiện hành của pháp luật về hoạt động tư vấn.

Điều 36. Quá trình cấp vốn tài trợ

1. Căn cứ đề nghị của Chủ đầu tư và hồ sơ tạm ứng (hoặc hồ sơ thanh toán) do Chủ đầu tư gửi đến, Quỹ có trách nhiệm kiểm tra và thực hiện cấp vốn tài trợ cho Chủ đầu tư để tạm ứng (hoặc thanh toán) cho các nhà thầu xây lắp, tư vấn, cung ứng thiết bị... theo đúng các quy định của Quỹ.

Trường hợp Chủ đầu tư đã được cấp vốn tài trợ tạm ứng, ngay sau thời điểm sử dụng vốn tài trợ tạm ứng ghi trong giấy đề nghị tạm ứng, Chủ đầu tư phải xuất trình các tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn tài trợ tạm ứng đúng mục đích tạm ứng ban đầu và tiến hành thanh toán tạm ứng, chuyển sang thủ tục cấp vốn tài trợ khối lượng đã hoàn thành.

2. Các dự án có tiến độ sử dụng vốn tài trợ trong nhiều năm kế hoạch (mức vốn tài trợ từng năm đã được ghi trong hợp đồng tín dụng), việc cấp vốn tài trợ từ năm thứ 2 trở đi chỉ thực hiện khi đã có báo cáo của Chủ đầu tư về tình hình thực hiện kế hoạch tài trợ vốn quy định tại hợp đồng tín dụng và văn bản thông báo chỉ tiêu kế hoạch năm của Quỹ.

3. Mức vốn tài trợ thanh toán đối với toàn bộ dự án hoặc từng hạng mục công trình không được vượt tổng dự toán, dự toán (hoặc giá trúng thầu) được duyệt trừ đi số vốn đã tài trợ tạm ứng (nếu có) và trong phạm vi tổng mức vốn cho tài trợ của dự án đã xác định trong hợp đồng tín dụng đã ký.

4. Mỗi lần nhận vốn tài trợ (bao gồm cả cấp vốn tài trợ tạm ứng và cấp vốn tài trợ thanh toán), Chủ đầu tư phải ký nhận tài trợ vốn.

5. Trong các tài liệu do Chủ đầu tư gửi cho Quỹ, có loại tài liệu chỉ gửi một lần cho toàn bộ dự án và loại tài liệu gửi nhiều lần khi đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng). Các tài liệu gửi một lần bao gồm báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, văn

bản phê duyệt kết quả đấu thầu (hoặc dự toán được duyệt) kèm theo các tài liệu về dự toán, hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, giấy phép xây dựng (nếu có).

Tài liệu Chủ đầu tư gửi Quỹ phải là bản gốc. Trường hợp không thể nộp bản gốc (có lý do chính đáng và cam kết của Chủ đầu tư) cho Quỹ thì bản sao phải công chứng nhà nước và Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp bản gốc để Quỹ đối chiếu.

6. Những dự án đầu tư có vốn nước ngoài hoặc những gói thầu tổ chức đấu thầu quốc tế mà trong Hiệp định tín dụng ký giữa nhà tài trợ với Chính phủ Việt Nam có quy định về việc cấp vốn thanh toán khác với các quy định nêu trên thì được thực hiện theo quy định trong Hiệp định tín dụng đã ký.

7. Các trường hợp đặc biệt khi Chủ đầu tư không đủ các điều kiện để Quỹ cấp vốn tài trợ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bộ phận nghiệp vụ cấp phát vốn tài trợ lập tờ trình Hội đồng Quản lý, Giám đốc Quỹ xem xét giải quyết.

Mục IV **ỦY THÁC VÀ NHẬN ỦY THÁC**

Điều 37. Nhận uỷ thác

1. Quỹ được nhận vốn uỷ thác của các tổ chức trong nước và ngoài nước để cho vay, thu hồi nợ vốn vay theo hợp đồng uỷ thác.

2. Việc nhận uỷ thác thực hiện theo nội dung hợp đồng nhận uỷ thác được ký kết giữa Quỹ và Bên uỷ thác, phù hợp khả năng của mỗi bên và với pháp luật hiện hành.

3. Khi nhận uỷ thác cho vay, thu hồi nợ vốn vay, Quỹ được hưởng phí uỷ thác và các khoản hưởng lợi khác được thoả thuận và ghi trong hợp đồng nhận uỷ thác và Quỹ không phải chịu trách nhiệm về hiệu quả cũng như các thủ tục pháp lý ban đầu của dự án.

Điều 38. Uỷ thác

1. Quỹ uỷ thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính để cho vay và thu hồi nợ theo hợp đồng uỷ thác.

2. Các tổ chức nhận uỷ thác được hưởng phí dịch vụ nhận uỷ thác. Mức phí dịch vụ nhận uỷ thác do các bên thoả thuận và ghi trong hợp đồng uỷ thác.

Điều 39. Hợp đồng uỷ thác (hợp đồng nhận uỷ thác có nội dung tương tự)

1. Nội dung hợp đồng uỷ thác, nhận uỷ thác bao gồm:

Tên, địa chỉ, tài khoản của đơn vị uỷ thác và nhận uỷ thác, người đại diện, nội dung uỷ thác, phí uỷ thác, quyền và nghĩa vụ của các Bên và các cam kết khác được các Bên thoả thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trình tự ký hợp đồng uỷ thác hoặc nhận uỷ thác:

Sau khi nhận được yêu cầu của Bên uỷ thác hoặc nhận uỷ thác, Giám đốc Quỹ xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định. Trường hợp đồng ý, sau khi có quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ tiến hành ký hợp đồng uỷ thác hoặc nhận uỷ thác. Đại diện ký hợp đồng uỷ thác hoặc nhận uỷ thác của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Trường hợp không đồng ý uỷ thác hoặc nhận uỷ thác thì Quỹ thông báo từ chối bằng văn bản cho đối tác biết.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Quỹ

Quỹ có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp tài liệu chứng minh dự án đầu tư đúng mục đích theo quy định của Quỹ; tính khả thi, hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội của dự án; khả năng tài chính của Chủ đầu tư theo yêu cầu của từng hình thức hỗ trợ tài chính trước khi quyết định hỗ trợ cho các dự án đầu tư môi trường;

2. Thẩm định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ hỗ trợ tài chính;

3. Từ chối cho vay nếu xét thấy dự án không đúng mục đích yêu cầu của Quỹ, không có hiệu quả, không có khả năng hoàn trả nợ vay hoặc không có đủ tài sản thế chấp hoặc tài sản thế chấp không có khả năng phát mại theo quy định. Khi từ chối phải có văn bản gửi Chủ đầu tư nêu rõ lý do, đồng thời phải báo cáo với Hội đồng Quản lý Quỹ;

4. Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ, sử dụng vốn vay và trả nợ của Chủ đầu tư; kiểm tra tài sản bảo đảm tiền vay, tài sản bảo lãnh khi cần thiết;

5. Chấm dứt việc cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ; thu hồi nợ vay trước thời hạn khi phát hiện Chủ đầu tư cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng hỗ trợ lãi suất và tài trợ đã ký;

6. Khởi kiện Chủ đầu tư vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng hỗ trợ lãi suất và hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ;

7. Quỹ có quyền phát mại tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật nếu đến hạn trả nợ mà Chủ đầu tư không trả được nợ và các bên không có thoả thuận khác;

8. Gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo các quy định tại Điều 19 của Quy chế này và thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án

được xoá nợ;

9. Thực hiện việc cho vay, hỗ trợ lãi suất và đồng tài trợ đúng đối tượng theo quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ và các quy định tại Quy chế này;

10. Quỹ có quyền huỷ bỏ hợp đồng uỷ thác và thông báo cho tổ chức tín dụng nhận uỷ thác và Chủ đầu tư biết hoặc khởi kiện trong trường hợp cần thiết trong trường hợp tổ chức tín dụng nhận uỷ thác vi phạm, thực hiện không nghiêm chỉnh các nội dung và cam kết trong hợp đồng uỷ thác,

11. Thực hiện đúng thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng uỷ thác;

12. Lưu giữ, bảo quản hồ sơ vay vốn, hồ sơ thế chấp, hồ sơ hỗ trợ lãi suất và tài trợ phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Từ chối các yêu cầu của Quỹ không đúng với các quy định của pháp luật và thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;

2. Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng theo quy định của pháp luật;

3. Yêu cầu cấp vốn vay ưu đãi, cấp vốn hỗ trợ lãi suất, cấp vốn tài trợ khi có đủ điều kiện cấp vốn; chịu trách nhiệm sử dụng vốn vay, hỗ trợ lãi suất và tài trợ đúng mục đích, có hiệu quả;

4. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, hỗ trợ lãi suất, tài trợ hoặc đồng tài trợ, sử dụng vốn vay cho Quỹ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp cho Quỹ, tạo điều kiện để tổ chức cho vay thực hiện kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay, cam kết và gửi đủ báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý và hàng năm cho Quỹ trong suốt thời gian chưa trả hết nợ vay;

5. Sử dụng vốn vay, hỗ trợ lãi suất và tài trợ đúng mục đích; thực hiện đúng các nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;

6. Thực hiện báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo đúng chế độ hiện hành;

7. Trả nợ vốn vay theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;

8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thoả thuận về việc trả nợ vay và thực hiện các nghĩa vụ bảo đảm tiền vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng nhận uỷ thác cho vay

Tổ chức tín dụng nhận uỷ thác cho vay có quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Chủ đầu tư. Kiểm tra tài sản hình thành bằng vốn vay, tài sản thế chấp khi cần

thiết;

2. Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước thời hạn khi phát hiện Chủ đầu tư cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng;

3. Khởi kiện Chủ đầu tư vi phạm hợp đồng tín dụng;

4. Khi đến hạn trả nợ, nếu Chủ đầu tư không trả được nợ và các bên không có thoả thuận khác, thì tổ chức tín dụng nhận uỷ thác có quyền phát mại tài sản hình thành bằng vốn vay và tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay theo quy định của pháp luật.

5. Được quyền điều chỉnh kỳ hạn trả nợ của các dự án gặp khó khăn tạm thời khi thực hiện trả nợ theo kỳ hạn trả nợ trong hợp đồng tín dụng;

6. Thực hiện đúng nội dung hợp đồng uỷ thác đã ký với Quỹ;

7. Thực hiện đúng, thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với Chủ đầu tư;

8. Lưu giữ, bảo quản hồ sơ vay vốn, hồ sơ bảo đảm tiền vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương IV

BÁO CÁO, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Báo cáo, thanh tra và xử lý vi phạm

1. Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính định kỳ và đột xuất về tình hình cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất và tài trợ, đồng tài trợ cho các chương trình, dự án đầu tư bảo vệ môi trường.

2. Tất cả các hoạt động cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ đều phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Chủ đầu tư các dự án đầu tư môi trường nếu vi phạm các quy định về cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại về tài sản thì phải bồi thường và xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Người quyết định cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ sai mục đích, gây hậu quả nghiêm trọng thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

5. Quỹ nếu vi phạm hợp đồng tín dụng thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Tổ chức thực hiện

1. Các thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban Kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy

chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHỦ TỊCH - THỨ TRƯỞNG



Phạm Khôi Nguyên